

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

**HÒA GIẢI
VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

Chuyên ngành : Luật dân sự

Mã số : 60 38 30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: TS. Bùi Thị Huyền

Phản biện 1:

Phản biện 2:

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2014.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bìa</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<i>Danh mục các từ viết tắt</i>	
<i>Danh mục các bảng</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	6
1.1.1. Khái niệm về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	6
1.1.2. Đặc điểm của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	9
1.1.3. Ý nghĩa của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	14
1.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	17
1.2.1. Cơ sở lý luận	17
1.2.2. Cơ sở thực tiễn	18
1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	19
1.4. Sơ lược sự hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	23
1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến 1989	23
1.4.2. Giai đoạn từ 1989 đến 2005	29
1.4.3. Giai đoạn từ 2005 đến nay	33
Chương 2: HÒA GIẢI VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH THEO PHÁP LUẬT TỔ TỰNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH	36
2.1.1. Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình	36

2.1.2. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không được trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội	39
2.2. Phạm vi hòa giải	41
2.2.1. Những vụ án không được hòa giải	41
2.2.2. Những vụ án không tiến hành hòa giải được	44
2.3. Thủ tục hòa giải vụ án hôn nhân gia đình	49
2.3.1. Triệu tập đương sự	49
2.3.2. Tổ chức phiên hòa giải	52
Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HÒA GIẢI VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH	68
3.1. Thực tiễn áp dụng và thực thi pháp luật trong hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình và một số kiến nghị	68
3.1.1. Về phạm vi hòa giải	71
3.1.2. Về nguyên tắc tiến hành hòa giải	72
3.1.3. Về cấp, tổng đạt thông báo về phiên hòa giải	73
3.1.4. Về thành phần phiên hòa giải	74
3.1.5. Về việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận	75
3.1.6. Kỹ năng tiến hành hòa giải của Thẩm phán còn nhiều hạn chế	77
3.1.7. Nhận thức pháp luật của người dân còn nhiều hạn chế	78
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	79
3.2.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	80
3.2.2. Kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình	84
KẾT LUẬN	90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	92
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vụ án hôn nhân và gia đình ngày càng chiếm một số lượng lớn trong các vụ việc dân sự mà Tòa án phải giải quyết, những vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) "tưởng dễ mà khó" vì có tác động mạnh, sâu sắc đến tâm lý, tình cảm của các chủ thể tham gia quan hệ. Và với tính nhạy cảm của mối quan hệ này. Rất nhiều tâm sự của cán bộ Tòa án có nhiều năm làm công tác giải quyết án HN&GD, mỗi khi thụ lý thường phải "lên dây cót" vì những khó khăn biết trước sẽ gặp phải từ việc thu thập chứng cứ đến quá trình xét xử. Việc áp dụng pháp luật để giải quyết những quan hệ HN&GD cũng không đơn giản vì quan hệ này thường được xác lập trong thời gian rất dài, còn pháp luật thì có nhiều thay đổi... Một vấn đề rất quan trọng là nhiều vụ án HN&GD như các vụ ly hôn, thay đổi cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản của vợ chồng khi hôn nhân còn tồn tại; tranh chấp về tài sản chung, tài sản riêng của vợ chồng... thường đem đến hệ lụy và ảnh hưởng tiêu cực đến tình cảm, mối quan hệ của các thành viên trong gia đình. Vì thế, nếu thẩm phán "không thấu hiểu", nhiều khi quá trình xử lý các vụ án HN&GD trở thành "mớ bòng bong" mà các chủ thể liên quan không tìm được lối thoát... và bản án, quyết định được ban hành sẽ đem lại "nhiều ảm ức khó giải tỏa". Có thể thấy rõ điều này trong một số trường hợp vợ chồng đã mâu thuẫn sâu sắc, hôn nhân đã thật sự tan vỡ nhưng Tòa án lại xử không chấp nhận cho ly hôn, và ngược lại có vụ mâu thuẫn chưa trầm trọng đã xử cho ly hôn; việc nam nữ chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, mặc dù không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng lại xử hủy hôn nhân trái pháp luật... Khi giao con cho cha hay mẹ nuôi cũng có sai sót, trong đó có nhiều sai sót về việc giải quyết về phí tổn nuôi con. Do Tòa án không thu thập chứng cứ đầy đủ về khả năng kinh tế của mỗi bên nên có trường hợp đã buộc đương sự góp phí tổn nuôi con gần hết thu nhập hàng tháng; cũng có trường hợp Tòa án buộc đóng góp phí tổn nuôi con quá thấp hoặc không buộc bên không nuôi con

phải đóng góp phí tổn nuôi con, dù họ có khả năng và bên nuôi con kinh tế khó khăn; cũng có trường hợp buộc bên đóng góp phí tổn nuôi con phải đóng một lần, với số tiền lớn, nên họ không có khả năng thi hành. Xác định tài sản chung không đúng, như bỏ sót tài sản chung, hoặc tài sản riêng của mỗi bên, tài sản của con lại coi là tài sản chung của vợ chồng; khi vợ chồng sống chung với gia đình, không làm rõ công sức của mỗi bên trong việc duy trì, tạo lập và phát triển tài sản chung, đặc biệt phần đóng góp của vợ chồng... nên đã quyết định phân chia không đúng. Có trường hợp khi phân chia hiện vật thuộc tài sản chung của vợ chồng không xem xét đến yêu cầu, nhu cầu sử dụng của mỗi bên nên đã phân chia hiện vật không hợp lý... Nguyên nhân dẫn đến tình trạng ly hôn gia tăng như hiện nay thì rất nhiều, nhưng chủ yếu tập trung vào những nguyên nhân chính là do chồng cờ bạc, rượu chè đánh đập vợ con, bất đồng quan điểm sống hoặc ngoại tình dẫn đến đổ vỡ hạnh phúc gia đình. Một nguyên nhân chính nữa là do giới trẻ thường yêu nhanh, cưới vội nên họ vẫn chưa tìm hiểu kỹ về nhau cũng như các kỹ năng sống trước khi bước vào đời sống hôn nhân. Khi xảy ra mâu thuẫn họ không biết cách xử lý, giải quyết dẫn đến bạo lực gia đình và hôn nhân đổ vỡ là điều khó tránh khỏi. Hôn nhân tan vỡ không chỉ làm ảnh hưởng đến gia đình, người thân mà còn ảnh hưởng đến xã hội.

Để giải quyết án HN&GD đạt hiệu quả cao, tránh được những sai sót và đem lại lòng tin cho các bên đương sự và đặc biệt là củng cố, hàn gắn mối tình cảm giữa họ thì chúng ta cần phải có giải pháp thích hợp. Vấn đề không phải là né tránh những tranh chấp và không phải nâng cao hiệu quả của hoạt động xét xử mà cần hướng tới một kết quả của các bên đương sự cùng mong muốn, đó là một quyết định dựa trên sự thỏa thuận xuất phát từ chính ý nguyện của cả hai bên. Vậy để đạt được quyết định đó chúng ta cần làm tốt công tác hòa giải. Hòa giải là một biện pháp hữu hiệu nhất để giải quyết các tranh chấp dân sự nói chung và đặc biệt là đối với các vụ án HN&GD. Thực tiễn giải quyết các vụ án HN&GD cho thấy, càng ngày tỷ lệ vụ án được hòa giải thành càng cao, tuy nhiên với tính chất đặc thù của loại án này đòi hỏi

chúng ta phải có một hệ thống các quy định riêng để nâng cao chất lượng của hoạt động hòa giải tại Tòa. Mặc dù những quy định của pháp luật về giải quyết án HN&GD đã có nhiều tiến bộ trong từng giai đoạn phát triển của xã hội, Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) hiện hành đã quy định hòa giải là một thủ tục bắt buộc và được tiến hành theo những trình tự thủ tục rất cụ thể song bên cạnh đó có nhiều quy định chưa nhất quán. Trong khi đó việc giải thích, hướng dẫn pháp luật của các cơ quan có thẩm quyền chưa kịp thời, việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật cho người dân còn nhiều hạn chế. Nên việc hòa giải các vụ án HN&GD chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Do đó việc nghiên cứu một cách có hệ thống các quy định của pháp luật về hòa giải vụ án HN&GD, pháp luật hiện hành của nước ta về hòa giải vụ án HN&GD như thế nào, thực tiễn áp dụng pháp luật có những vướng mắc gì và trên cơ sở đó kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hòa giải vụ HN&GD là việc làm có ý nghĩa và quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Với nhận thức đó tôi đã chọn đề tài: "**Hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình**" làm đề tài cho luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Hòa giải vụ án là một hoạt động tố tụng quan trọng đã và đang được nhiều nhà nghiên cứu lý luận và thực tiễn quan tâm. Cho đến thời điểm tác giả nghiên cứu đề tài: "**Hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình**", đã có một số bài nghiên cứu về vấn đề này như: Luận văn thạc sĩ Luật học "*Thủ tục hòa giải vụ việc hôn nhân và gia đình*", của Trần Văn Duy, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2008; Luận văn thạc sĩ Luật học "*Hòa giải trong tố tụng dân sự - Thực tiễn và hướng hoàn thiện*" của Bùi Đăng Huy, Trường Đại học luật Hà Nội, 1996; Khóa luận tốt nghiệp: "*Hòa giải trong pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*" của Nguyễn Kiều Oanh, Hà Nội, 2010; Khóa luận tốt nghiệp: "*Hòa giải trong tố tụng dân sự - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*" của La Phương Na, Hà Nội, 2011; Luận văn thạc sĩ Luật học: "*Hòa giải vụ việc dân sự theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam*" của Lê Bích Ngọc, năm 2013... Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu trên chỉ là nghiên

cứu về vấn đề hòa giải đối với vụ án dân sự theo nghĩa rộng. Cho đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu nào chuyên sâu, toàn diện về hòa giải vụ án HN&GD. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần có sự nghiên cứu một cách toàn diện, đầy đủ, hệ thống cả về lý luận và thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả của hòa giải vụ án HN&GD dựa trên những thành quả nghiên cứu của các công trình khoa học đã được công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là làm sáng tỏ vấn đề lý luận về hòa giải vụ án HN&GD; tìm hiểu các quy định trong pháp luật tố tụng dân sự (TTDS) Việt Nam và thực tiễn áp dụng các quy định này trong hoạt động giải quyết vụ án HN&GD. Mặt khác chỉ ra những điểm còn thiếu đồng bộ, chưa hợp lý về các quy định của pháp luật TTDS, từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động hòa giải.

Để đạt được mục đích trên, luận văn có những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Tìm hiểu một cách đầy đủ và có hệ thống các quy định của pháp luật về hòa giải vụ án HN&GD.

- Hiện nay, việc áp dụng các quy định về hòa giải trong giải quyết án HN&GD còn nhiều khó khăn, nhiều trường hợp quyền và nghĩa vụ của chủ thể không thực hiện được. Việc nghiên cứu, đánh giá mức độ hoàn thiện của các quy định về hòa giải vụ án HN&GD, thực tiễn áp dụng các quy định hòa giải, những vấn đề bất cập, vướng mắc. Từ đó luận giải về những yêu cầu, kiến nghị hoàn thiện các quy định nâng cao chất lượng hòa giải.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn tập trung vào những vấn đề sau đây:

- Những vấn đề lý luận về hòa giải vụ án HN&GD như: Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của hòa giải vụ án HN&GD. Cơ sở lý luận và thực tiễn về hòa giải vụ án HN&GD. Những yếu tố ảnh hưởng đến hòa giải vụ án HN&GD.

- Hòa giải vụ án HN&GD theo pháp luật TTDS Việt Nam hiện hành.

- Thực tiễn hòa giải vụ án HN&GD từ áp dụng BLTTDS hiện hành và các kiến nghị nâng cao chất lượng của hòa giải vụ án HN&GD tại Tòa án.

5. Phương pháp nghiên cứu

Khi nghiên cứu đề tài này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin; Bên cạnh đó tác giả cũng sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phân tích, chứng minh, tổng hợp, diễn giải, hệ thống hóa, so sánh, đối chiếu, sử dụng các kết quả thống kê số liệu báo cáo của ngành Tòa án.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình.

Chương 2: Hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình theo pháp luật tố tụng dân sự Việt Nam hiện hành.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng pháp luật và một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÒA GIẢI VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1.1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

1.1.1. Khái niệm về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

Qua phân tích, tác giả luận văn đưa ra khái niệm: *Hòa giải vụ HN&GD là hoạt động do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết những tranh chấp về HN&GD theo quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.*

1.1.2. Đặc điểm của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

Hòa giải vụ án HN&GD được thực hiện theo thủ tục hòa giải các vụ án dân sự nên nó cũng mang những đặc điểm chung của hòa giải vụ án dân sự, bao gồm:

Thứ nhất: Hòa giải là một thủ tục bắt buộc đối với hầu hết các vụ án dân sự tại thời điểm do pháp luật quy định.

Thứ hai: Hòa giải là sự thỏa thuận của các đương sự.

Thứ ba: Tòa án là cơ quan duy nhất tiến hành hòa giải vụ án dân sự

Bên cạnh những đặc điểm chung thì hòa giải vụ án HN&GD có những đặc trưng riêng biệt khác với hòa giải những vụ án dân sự khác như:

Thứ nhất: Trong một số trường hợp, hòa giải vụ án HN&GD không chấp nhận việc ủy quyền cho người khác khi tham gia tố tụng.

Thứ hai: Chủ thể tham gia hòa giải vụ án HN&GD chỉ có thể là cá nhân có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng. Đối với vụ án ly hôn (loại án phổ biến nhất) thì chủ thể tham gia hòa giải chỉ có thể là vợ chồng.

Thứ ba: Mục đích hòa giải vụ án ly hôn (loại án phổ biến nhất trong vụ án HN&GD) là giúp các bên đoàn tụ với nhau chứ không chỉ là nhằm giúp các bên đạt được sự thỏa thuận.

1.1.3. Ý nghĩa của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

- Ý nghĩa về mặt tố tụng.

Khi hòa giải thành giúp Tòa án giải quyết vụ án mà không phải mở phiên tòa, tránh được việc khiếu nại, kháng cáo, kháng nghị, quá trình tố tụng hạn chế kéo dài không cần thiết như: phúc thẩm, tái thẩm hay giám đốc thẩm.

- Ý nghĩa về mặt kinh tế.

Quá trình giải quyết một vụ án HN&GD có thể bị kéo dài phải xử đi, xử lại nhiều lần. Nếu hòa giải không thành, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Để giải quyết được một vụ án hôn nhân gia đình nói riêng thì chi phí cho một vụ án là rất lớn, nhưng nếu chúng ta tiến hành hòa giải thành thì sẽ giảm bớt được rất nhiều các chi phí.

- Ý nghĩa về mặt xã hội, tâm lý.

Hòa giải thành một vụ án ly hôn loại án phổ biến nhất trong các vụ án HN&GD có hai trường hợp được đặt ra. Nếu họ đoàn tụ và rút đơn khởi kiện thì việc hòa giải đã giúp các bên tiếp tục duy trì, củng cố mối quan hệ HN&GD ngày càng bền chặt và gắn bó hơn.

Trường hợp thứ hai hòa giải thành các tranh chấp về HN&GD khi ly hôn. Hòa giải thành trong trường hợp này mặc dù họ không đoàn tụ được nhưng nó cũng củng cố và phát triển quan hệ vốn có giữa các bên tranh chấp, giảm bớt mâu thuẫn đang diễn ra căng thẳng trong lòng họ. Làm cho mối quan hệ thân thân và quan hệ và tài sản được phát triển lành mạnh, hạn chế đến mức tối đa của sự can thiệp quyền lực công vào quan hệ đó.

1.2. Cơ sở lý luận và thực tiễn của hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

1.2.1. Cơ sở lý luận

Các tranh chấp về HN&GD là một dạng của tranh chấp dân sự, do vậy các quy định về giải quyết nội dung tranh chấp này và những quy định về trình tự thủ tục giải quyết phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn

Đối với dân tộc Việt Nam, hòa giải gắn liền với truyền thống hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vi phạm pháp luật cũng như mâu thuẫn, bất đồng trong nội bộ nhân dân, góp phần giữ gìn trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

Tại báo cáo tổng kết của ngành Tòa án nhân dân tối cao cho thấy, vụ án được hòa giải thành chiếm tỷ lệ rất cao (hơn 50% số vụ việc được giải quyết), điều đó chứng minh thủ tục hòa giải vụ án HN&GD tại Tòa án phát huy tác dụng hiệu quả và là một yêu cầu tất yếu trong việc giải quyết các vụ án HN&GD.

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

Những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình đã được tác giả luận văn phân tích, bao gồm bốn yếu tố:

Một là, tính thống nhất giữa pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung; tính thống nhất giữa nội dung của các điều luật trong pháp luật tố tụng.

Hai là, về điều kiện kinh tế xã hội, truyền thống văn hóa.

Ba là, trình độ hiểu biết pháp luật của đương sự.

Bốn là, trình độ năng lực, đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán.

1.4. Sơ lược sự hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

Tác giả luận văn trình bày sơ lược về sự hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình, bao gồm các giai đoạn:

1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến 1989

1.4.2. Giai đoạn từ 1989 đến 2005

1.4.3. Giai đoạn từ 2005 đến nay

Chương 2

HÒA GIẢI VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH THEO PHÁP LUẬT TỔ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

2.1. Nguyên tắc tiến hành hòa giải

2.1.1. Tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình

Phải tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không được dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực, bắt buộc các đương sự phải thỏa thuận không phù hợp với ý chí của mình. Tôn trọng sự tự nguyện của các đương sự cũng là sự thể hiện của nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự. Nếu vi phạm nguyên tắc này chẳng những không bảo vệ được lợi ích của đương sự mà còn ảnh hưởng đến chính hiệu lực pháp lý của quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Nhiệm vụ của Tòa án là thuyết phục, giúp các bên tranh chấp tìm được tiếng nói chung để tự dàn xếp mâu thuẫn một cách ổn thỏa.

Sự tự nguyện của đương sự được thể hiện ở hai nội dung:

- Tự nguyện tham gia phiên hòa giải.
- Tự nguyện thỏa thuận về giải quyết nội dung vụ việc.

2.1.2. Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không được trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội

Nhà nước chỉ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, do đó mọi sự thỏa thuận trái pháp luật đều không có giá trị pháp lý. Tòa án nhân dân nhà nước chỉ có thể công nhận những thỏa thuận của các đương sự nếu các thỏa thuận đó phù hợp với các quy định của pháp luật. Sự tuân thủ pháp luật là yêu cầu bắt buộc trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, trong quá trình hòa giải, các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau nhưng các thỏa thuận đó không phù hợp với quy định của pháp luật hoặc trái với đạo đức xã hội thì thỏa thuận đó cũng không được công nhận. Mặt khác, là một hoạt động tố tụng, hòa giải chỉ được tiến hành trên cơ sở của pháp luật và mọi sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Phạm vi hòa giải

Phạm vi hòa giải là giới hạn những vụ án mà Tòa án phải tiến hành hòa giải. Khoản 1 Điều 180 BLTTDS 2004 quy định trách nhiệm hòa giải của Tòa án.

Hòa giải tiến hành đối với việc giải quyết hầu hết các vụ án trừ những trường hợp không hòa giải được hoặc pháp luật quy định không được hòa giải.

2.2.1. Những vụ án không được hòa giải

Trong thực tế cuộc sống có những vụ án không tiến hành hòa giải được, bao gồm:

- Yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước.
- Những vụ án dân sự phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội.

2.2.2. Những vụ án không tiến hành hòa giải được

Việc hòa giải có thể không tiến hành được vì nhiều lý do. Trong một số trường hợp không vì thế mà quá trình giải quyết vụ án dân sự chấm dứt. Có những vụ án Tòa án không thể tiến hành hòa giải được vì các lý do khác nhau. Đó là các trường hợp được quy định tại Điều 182 BLTTDS:

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.

- Đương sự không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng.

- Đương sự là vợ hoặc chồng trong vụ án ly hôn là người mất năng lực hành vi dân sự.

2.3. Thủ tục hòa giải vụ án hôn nhân gia đình

2.3.1. Triệu tập đương sự

Theo quy định tại Điều 183 BLTTDS, trước khi tiến hành hòa giải Tòa án phải thông báo về phiên hòa giải cho các đương sự nhằm mục đích công khai việc hòa giải của Tòa án và tạo điều kiện cho phiên hòa giải được tiến hành đúng thời gian, đạt hiệu quả. Thông báo về phiên hòa giải phải được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Hòa giải là sự thỏa thuận của các đương sự nên các đương sự phải có mặt để hòa giải với nhau. Nếu có đương sự vắng mặt thì Tòa án xử lý trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa như sau:

Đối với trường hợp vắng mặt lần thứ nhất dù có lý do hay không hoặc vắng mặt lần thứ hai có lý do chính đáng thì Tòa án sẽ ra quyết định hoãn phiên tòa.

Đối với trường hợp đương sự vắng mặt khi được Tòa án triệu tập lần thứ hai thì:

+ Trường hợp vắng mặt nguyên đơn: Trong vụ án HN&GD thường nguyên đơn chỉ có 01 người (vợ hoặc chồng) nếu nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt (trừ có lý do chính đáng, sự kiện bất khả kháng) thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS

+ Trường hợp vắng mặt bị đơn: Trong trường hợp bị đơn vắng mặt mà đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn có tình vắng mặt thì Tòa án ra lập biên bản về việc không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

+ Trong trường hợp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 61 BLTTDS quy định: "người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể yêu cầu độc lập hoặc tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc bên bị đơn" [25], mặc dù chưa có quy định cụ thể về việc vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì Tòa án sẽ xử lý như thế nào nhưng trong trường hợp này Tòa án sẽ tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 3 Điều 184 BLTTDS.

Vấn đề đặt ra ở đây là thế nào là không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 17 của Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP: Nếu trong vụ án có nhiều quan hệ pháp luật mà quan hệ pháp luật này liên quan đến đương sự này, quan hệ pháp luật kia liên quan đến đương sự khác và việc giải quyết quan hệ pháp luật đó chỉ liên quan đến các đương sự có mặt, không liên quan đến các đương sự vắng mặt, thì Thẩm phán tiến hành hòa giải những vấn đề có liên quan đến các đương sự có mặt.

Trường hợp nêu trên mà các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt, thì thỏa thuận này chỉ có giá trị nếu đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản.

Trường hợp trước khi tiến hành hòa giải đương sự vắng mặt đã có ý kiến bằng văn bản nhưng sau khi kết thúc phiên hòa giải, nội dung hòa giải của các đương sự có mặt khác với nội dung văn bản thể hiện ý chí của đương sự vắng mặt, thì Tòa án phải lấy ý kiến bằng văn bản của đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải về thỏa thuận của các đương sự tại phiên hòa giải. Thủ tục và thời hạn lấy ý kiến bằng văn bản của đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật TTDS. Trường hợp đương sự đồng ý với kết quả hòa giải thì ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải được xác định là ngày các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

2.3.2. Tổ chức phiên hòa giải

- Thành phần phiên hòa giải:

Điều 184 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS năm 2011 quy định thành phần phiên hòa giải bao gồm:

- + Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải.
- + Thư ký ghi biên bản phiên hòa giải.
- + Các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của đương sự.
- + Người phiên dịch, nếu đương sự không biết tiếng Việt.

- Nội dung hòa giải.

Nội dung hòa giải chính là những công việc mà Thẩm phán sẽ tiến hành trong phiên hòa giải, nó sẽ quyết định thành phần tham gia phiên hòa giải bao gồm những ai. Nội dung hòa giải bao gồm hai phần: Thẩm phán phổ biến cho các đương sự biết các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các bên liên hệ đến quyền và nghĩa vụ của mình; Thẩm phán phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đối với hòa giải vụ án ly hôn thì mục đích cuối cùng mà người tiến hành hòa giải mong muốn đạt được là vợ chồng đoàn tụ, do vậy khi tiến hành hòa giải vụ án ly hôn có cả tranh chấp về nuôi con, chia tài sản thì Thẩm phán cần hòa giải về quan hệ hôn nhân trước, nếu hòa giải đoàn tụ không thành thì tiếp tục tiến hành hòa giải việc nuôi con và sau đó hòa giải việc chia tài sản.

- Trình tự hòa giải.

Trình tự hòa giải được thực hiện theo quy định tại Điều 185a Luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLTTDS 2011 và Điều 19 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 hướng dẫn cụ thể về trình tự tiến hành hòa giải.

- Biên bản hòa giải:

Biên bản hòa giải là một văn bản tố tụng làm cơ sở pháp lý cho Tòa án ra các quyết định tố tụng tiếp theo. Yêu cầu đối với các biên bản hòa giải là

các diễn biến tại phiên hòa giải được ghi vào biên bản hòa giải. Điều luật này quy định cụ thể, chặt chẽ hình thức, nội dung của biên bản hòa giải bao gồm:

- a) Ngày, tháng, năm tiến hành phiên hòa giải;
- b) Địa điểm tiến hành phiên hòa giải;
- c) Thành phần tham gia phiên hòa giải;
- d) Ý kiến của các đương sự hoặc người đại diện hợp pháp của các đương sự;
- đ) Những nội dung đã được các đương sự thỏa thuận, không thỏa thuận.

Biên bản hòa giải phải có đầy đủ chữ ký hoặc điểm chỉ của các đương sự có mặt trong phiên hòa giải, chữ ký của Thư ký Tòa án ghi biên bản và của Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải.

- Xử lý kết quả hòa giải

Sẽ có hai loại biên bản được lập sau khi tiến hành hòa giải: Đó là biên bản hòa giải thành và biên bản hòa giải không thành:

+ Trường hợp hòa giải không thành: Khi tiến hành hòa giải không thành, nếu không có căn cứ đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án thì Tòa án sẽ ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, để giải quyết các tranh chấp. Tuy nhiên trong trường hợp này Tòa án vẫn phải lập biên bản hòa giải không thành.

+ Trường hợp hòa giải thành: Trong trường hợp các bên hòa giải thành, nghĩa là các bên thỏa thuận được toàn bộ nội dung vụ án và cả về phần án phí thì Tòa án sẽ lập biên bản hòa giải thành.

Qua nghiên cứu, tác giả luận văn nhận thấy, Bộ luật TTDS đã quy định khá đầy đủ và chi tiết về việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự tuy nhiên những quy định này vẫn bộc lộ những điểm hạn chế.

Thứ nhất: BLTTDS hiện hành không có quy định cụ thể về thủ tục giải quyết trong trường hợp các đương sự có thay đổi ý kiến sau khi Tòa án lập Biên bản hòa giải thành. Tuy nhiên căn cứ vào Điều 187, Điều 188 BLTTDS thì có thể suy luận là khi các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, Tòa án sẽ lập biên bản về sự thỏa thuận này. Trong thời hạn bảy ngày nếu có đương sự thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Tòa án sẽ ra quyết định xét xử. Vấn đề ở đây là, nếu trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày

Tòa án lập biên bản hòa giải thành các đương sự có sự thay đổi, nhưng sự thay đổi này vẫn theo chiều hướng thuận có nghĩa là đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự thì pháp luật tố tụng hiện hành không có Điều luật nào quy định cụ thể xử lý như thế nào trong trường hợp này là một thiếu sót.

Thứ hai: Thực tiễn giải quyết vụ án HN&GD cho thấy có những trường hợp Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do vậy, Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, trong thời hạn được quy định tại khoản 3 Điều 179 BLTTDS (thời hạn mở phiên tòa kể từ ngày có Quyết định đưa vụ án ra xét xử) thì các đương sự lại cùng nhau đến Tòa án để yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của họ vì họ đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không yêu cầu Tòa án phải mở phiên tòa xét xử nữa mà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận thỏa thuận của họ. Trên tinh thần công dân được làm những gì mà pháp luật không cấm, hay nói cách khác, BLTTDS không có điều luật nào cấm đương sự thỏa thuận với nhau khi Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử. Vậy, trong trường hợp này nếu thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với đạo đức xã hội, không trái pháp luật như quy định tại điểm b khoản 2 Điều 180 BLTTDS thì Tòa án có được lập biên bản hòa giải thành giữa các đương sự theo quy định tại Điều 186 BLTTDS hay không? Sau khi hết thời hạn quy định tại Điều 187 BLTTDS Tòa án có được ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự hay không? Và thẩm quyền này thuộc về ai, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án hay Hội đồng xét xử đã được thành lập theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử trước đó?

Thứ ba: Đối với trường hợp trong vụ án có nhiều đương sự, mà đương sự vắng mặt nhưng các đương sự có mặt vẫn tiến hành hòa giải và các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án thì thời hạn lấy ý kiến của đương sự chưa được Điều 187 BLTTDS quy định dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau.

Chương 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CỦA HÒA GIẢI VỤ ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

3.1. Thực tiễn áp dụng và thực thi pháp luật trong hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình và một số kiến nghị

Nhận thức sâu sắc về ý nghĩa to lớn của hòa giải, Tòa án nhân dân các cấp đã chú trọng đến công tác hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ án dân sự nói chung và các vụ án hôn nhân gia đình nói riêng. Thực tiễn giải quyết các vụ án những năm gần đây cho thấy tỷ lệ hòa giải thành trong vụ án HN&GD chiếm tỷ lệ rất cao trong tổng số các vụ án được giải quyết.

**Bảng 3.1: Số liệu thống kê án dân sự và hôn nhân gia đình
(năm 2008- 2013)**

Năm	Tổng số vụ việc dân sự được thụ lý	Tổng số vụ việc hôn nhân gia đình được thụ lý	Số vụ việc hôn nhân gia đình đã được giải quyết	Hòa giải thành vụ việc hôn nhân gia đình	
				Hòa giải thành đoàn tụ	Công nhận thỏa thuận của đương sự
2008	192.336	80.770	76.152	2.854	39.558
2009	214.174	94.710	89.609	2.770	49.961
2010	215.741	105.047	98.989	3.246	57.179
2011	247.096	122.514	116.560	3.213	68.578
2012	271.306	137.328	131.328	2.889	79.605
2013	301.912	151.955	145.937	2.860	88.540

Nguồn: Tòa án nhân dân tối cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được thực tiễn giải quyết cho thấy việc áp dụng pháp luật trong hòa giải vụ án hôn nhân gia đình còn nhiều bất cập, tình trạng vi phạm thủ tục tố tụng diễn rất nhiều điển hình.

3.1.1. Về phạm vi hòa giải

Như đã phân tích ở trên, pháp luật chưa có quy định về việc có tiến hành hòa giải đối với giải quyết ly hôn với một bên bị mắc bệnh tâm thần hay không mà chỉ có quy định không tiến hành hòa giải được đối với người bị mất năng lực hành vi dân sự. Như vậy có nghĩa là khi tiến hành giải quyết vụ án này chúng ta cần làm thủ tục tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự đối với bên bị mắc bệnh tâm thần, nếu đủ điều kiện thì Tòa án ra quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự sau đó tiến hành giải quyết cho ly hôn. Về thủ tục ly hôn với người bị mất năng lực hành vi dân sự không được tiến hành hòa giải.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy có Tòa án vẫn tiến hành hòa giải khi giải quyết ly hôn với một bên bị mắc bệnh tâm thần.

Do vậy, Bộ LTTDS cần được bổ sung để áp dụng pháp luật một cách thống nhất đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự.

3.1.2. Về nguyên tắc tiến hành hòa giải

Theo quy định tại khoản 2 Điều 180 BLTTDS quy định: "Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không được trái pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội" và theo quy định tại Điều 11 Nghị định 70/2003/NĐ-CP ngày 03/10/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật HN&GD năm 2000 thì việc chia tài sản chung của vợ chồng nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ về tài sản thì Tòa án tuyên bố vô hiệu. Theo đó những trường hợp chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn hay chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nhằm trốn tránh nghĩa vụ về tài sản đều được coi là trái pháp luật và về nguyên tắc không được tiến hành hòa giải. Tuy nhiên trên thực tế có Tòa án vẫn vi phạm.

3.1.3. Về cấp, tổng đạt thông báo về phiên hòa giải

Thực tế hiện nay việc cấp, tổng đạt thông báo về phiên hòa giải vẫn còn nhiều cấp Tòa án vi phạm, tác giả luận văn xin lấy một ví dụ để minh chứng cho điều đó: Vụ án xin ly hôn giữa chị Lê Thị Nga và anh Nguyễn Văn Kiên

do Tòa án nhân dân huyện S thụ lý và giải quyết. Trong hồ sơ thể hiện ngày 17/12/2012, Tòa án đến nhà bị đơn giao Thông báo phiên hòa giải thì bị đơn không có nhà và không có ai nhận thay, sau đó tiến hành niêm yết công khai. Trong trường hợp này phải giao cho tổ trưởng dân phố, trường hợp này không được coi là không tổng đạt được cho đương sự khi chưa hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định tại Điều 154 BLTTDS.

3.1.4. Về thành phần phiên hòa giải

Trong thực tiễn tiến hành phiên hòa giải, nhiều tòa án vi phạm về thành phần phiên hòa giải trên các mặt sau:

- Người tiến hành hòa giải không phải là Thẩm phán
- Hòa giải không đầy đủ thành phần tham gia.

3.1.5. Về việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận

Việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận cũng còn mắc phải những sai sót, bao gồm:

- Về thời hạn ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự.
- Nội dung của quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự không đúng với biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành.

3.1.6. Kỹ năng tiến hành hòa giải của Thẩm phán còn nhiều hạn chế

- Chưa quan tâm đúng mức đến công tác hòa giải, tiến hành hòa giải còn phiến diện, hình thức.
- Hòa giải đôi khi chưa chú ý đến phong tục tập quán của từng vùng miền khác nhau.

3.1.7. Nhận thức pháp luật của người dân còn nhiều hạn chế

Việc thực thi pháp luật và áp dụng pháp luật của người tiến hành tố tụng còn nhiều hạn chế thì việc nhận thức pháp luật của đương sự còn nhiều bất cập hơn. Nhiều người dân còn chưa hiểu rõ về pháp luật liên quan đến tranh chấp mà họ đang đề nghị giải quyết được quy định như thế nào, nên nhiều khi cũng gây khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao chất lượng hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

3.2.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật về hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

- *Bổ sung và sửa đổi nguyên tắc tiến hành hòa giải trong BLTTDS.*

Bộ luật TTDS cần có quy định cụ thể và thống nhất trong việc ghi nhận nguyên tắc tiến hành hòa giải đối với vụ việc dân sự, theo hướng thủ tục hòa giải được tiến hành tại giai đoạn tố tụng nào của quá trình giải quyết một vụ việc, việc hòa giải là bắt buộc phải tiến hành hay không đối với việc dân sự.

Ngoài những nguyên tắc được nêu tại Điều 180 BLTTDS khi tiến hành hòa giải các vụ án đặc biệt là đối với vụ án HN&GD cần bổ sung thêm nguyên tắc sau đây:

- + Bổ sung nguyên tắc hòa giải vừa tích cực, vừa kiên trì, mềm dẻo.
- + Bổ sung nguyên tắc bình đẳng, trung thực.
- + Sửa đổi nguyên tắc: Nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc đạo đức xã hội.

- *Về phạm vi hòa giải:*

Như đã phân tích ở chương hai trong trường hợp giải quyết những vụ án HN&GD về tranh chấp xác định cha, mẹ cho con hoặc xác định con cho cha, mẹ thì không tiến hành hòa giải. Điều 181 BLTTDS nên quy định trường hợp này là không được tiến hành hòa giải.

- *Về thành phần phiên hòa giải.*

Điều 184 BLTTDS nên bổ sung về thành phần tham gia phiên hòa giải bao gồm cả người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Điều này giúp cho quá trình tiến hành hòa giải được nhanh hơn và đạt hiệu quả cao trong trường hợp các đương sự không hiểu biết về pháp luật. Mặt khác nó đảm bảo sự thống nhất trong pháp luật tố tụng giữa quy định tại Điều 64 và Điều 184 BLTTDS.

Cần có quy định hướng dẫn cụ thể về cụm từ: "không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự vắng mặt" tại khoản 3 Điều 184 BLTTDS.

- Về việc ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Việc không quy định phải giải như thế nào trong trường hợp trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các đương sự thỏa thuận lại một thiếu sót của pháp luật hiện hành cần được bổ sung theo hướng, trong trường hợp nếu trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày Tòa án lập Biên bản hòa giải thành mà các bên đương sự có thay đổi theo hướng thỏa thuận mới thì Tòa án lập Biên bản hòa giải thành mới và sau thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản đầu tiên mà các đương sự không có thay đổi nào khác thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

3.2.2. Kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng hòa giải vụ án hôn nhân và gia đình

Từ những phân tích trên, để nâng cao chất lượng hòa giải trong quá trình giải quyết các vụ án hôn nhân gia đình từ khía cạnh thực hiện pháp luật cần tiến hành một số biện pháp sau đây:

- Đối với thẩm phán

Theo Điều 184 BLTTDS quy định thì Thẩm phán là người chủ trì phiên hòa giải. Việc hòa giải thật sự có hiệu quả khi Thẩm phán nắm vững các quy định của pháp luật, có kỹ năng, phương pháp và kinh nghiệm. Tuy nhiên, thực tế không phải Thẩm phán nào cũng có đầy đủ các kỹ năng trên, dẫn đến chất lượng và hiệu quả của việc giải quyết các vụ án chưa đạt được yêu cầu của mục đích hòa giải. Đặc biệt đối với vụ án hôn nhân gia đình không những đòi hỏi người chủ trì hòa giải có trình độ pháp luật chuyên sâu mà cần có kiến thức về xã hội, người có kinh nghiệm trong cuộc sống gia đình. Nếu vụ án ly hôn giao cho Thẩm phán quá trẻ hoặc chưa có gia đình giải quyết thì người Thẩm phán đó khó có thể làm cho công tác hòa giải đạt kết quả cao, bởi vì mục đích của việc giải quyết vụ án xin ly hôn không phải là để đạt được những yêu cầu của nguyên đơn hay bị đơn mà là làm thế nào để tránh cho sự tan vỡ của một gia đình, tránh những hệ lụy xấu xảy ra do việc ly hôn. Do vậy để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các Thẩm phán, một mặt Ngành tòa án cần phải có sự quan tâm lớn đối với việc nâng

cao năng lực cho các Thẩm phán bằng việc thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thẩm phán. Hàng năm, ngành Tòa án tiến hành mở rất nhiều lớp tập huấn nghiệp vụ nhưng chủ yếu trong lĩnh vực hình sự, hành chính còn đối với việc hòa giải vụ án dân sự thì hầu như là không có, trong khi đó thực tiễn công tác xét xử đã chứng minh tầm quan trọng của thủ tục này, do vậy chúng ta cần thường xuyên mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các thẩm phán về thủ tục hòa giải. Một mặt nâng cao ý thức cho các thẩm phán đề cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc, xác định rõ vị trí vai trò của mình trong khi tiến hành hòa giải. Đặc biệt cần có có kỹ năng và có kế hoạch cụ thể trước khi tiến hành hòa giải.

- Nâng cao ý thức pháp luật cho người dân

Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật tới toàn thể người dân luôn được nhà nước quan tâm và thường xuyên thực hiện nhưng kết quả đạt được chưa cao. Thực tiễn giải quyết án hôn nhân gia đình cho thấy, các bên đương sự đưa ra những yêu cầu không có căn cứ pháp luật việc đó làm cho việc tiến hành hòa giải vụ án thêm rối và khó có thể hòa giải thành.

Để nâng cao ý thức pháp luật cho người dân cần triển khai đồng bộ các hình thức phổ biến, tuyên truyền pháp luật: Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền thông qua các hội nghị, tuyên truyền thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, qua công tác xét xử của Tòa án, qua tư sách pháp luật, qua sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, qua các hội thi...

- Tăng cường hoạt động hòa giải ở cơ sở

Đối với vụ án hôn nhân gia đình, pháp luật chỉ khuyến khích các bên hòa giải ở cơ sở trước khi nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Nhưng hòa giải ở cơ sở được đánh giá là biện pháp "góp phần giải quyết tận gốc các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, xây dựng con người Việt Nam sống có ý thức cộng đồng, có lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, tôn trọng pháp luật, quan hệ hài hòa trong gia đình và xã hội". Kết quả khảo sát để đánh giá tác động khi xây dựng Luật hòa giải ở cơ sở cho thấy, công tác hòa giải chủ yếu là để giải quyết tranh chấp nhỏ giữa hàng xóm (36,3%), tranh

chấp thừa kế (21,8%) và vụ việc liên quan đến cưỡng đoạt thân thể (21,8%). Chỉ có 20,7% số người chưa được hòa giải trong lĩnh vực liên quan đến đất đai, xây dựng nói rằng họ có nhu cầu giải quyết tranh chấp thông qua Hòa giải viên. Chỉ có 7,4% số người lựa chọn phương thức hòa giải đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình và con số này là 11,9% đối với các vụ việc tranh chấp liên quan đến bạo lực gia đình. Mục tiêu quan trọng nhất của hòa giải ở cơ sở đối với các vụ án hôn nhân gia đình là nhằm tăng tỷ lệ hòa giải thành đoàn tụ, qua đó giữ gìn tình cảm vợ chồng, đoàn kết trong gia đình, phòng ngừa vi phạm pháp luật thông qua việc phát hiện và giải quyết tận gốc những mâu thuẫn, tranh chấp nhỏ, góp phần ổn định trật tự xã hội ở địa bàn dân cư. Bên cạnh đó, tỷ lệ hòa giải thành cao sẽ góp phần hạn chế đơn thư khiếu kiện trong nhân dân, giảm bớt tình trạng khiếu nại đến Tòa án nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước, tiết kiệm thời gian, chi phí của cơ quan nhà nước và công dân.

Trên đây là một số kiến nghị về thực hiện pháp luật và xây dựng pháp luật nhằm nâng cao hiệu quả của hòa giải vụ án dân sự nói chung và vụ án hôn nhân gia đình nói riêng. Bên cạnh việc bổ sung, sửa đổi những quy định của pháp luật hiện hành cho phù hợp với thực tiễn giải quyết án HN&GD hiện nay thì cơ quan có thẩm quyền cần ban hành một nghị quyết hướng dẫn riêng về trình tự thủ tục giải quyết vụ việc HN&GD theo quy định của Luật TTDS. Bởi vì vụ việc HN&GD là một dạng của vụ việc dân sự nhưng có tính chất đặc thù riêng biệt do yếu tố tình cảm là yếu tố cơ bản nhất chi phối toàn bộ mối quan hệ HN&GD nên nó cần những quy định riêng để điều chỉnh cho phù hợp.

KẾT LUẬN

Hòa giải vụ án HN&GD là một hoạt động do Tòa án tiến hành nhằm giúp đỡ các bên giải quyết các tranh chấp về HN&GD. Trước tình hình số lượng vụ án về HN&GD ngày càng gia tăng thì hoạt động hòa giải càng

khẳng định được vai trò quan trọng. Hòa giải thành vụ án HN&GD không chỉ có ý nghĩa về mặt tố tụng như các vụ án dân sự thông thường mà đặc biệt nó có ý nghĩa rất to lớn đối với cả xã hội. Hòa giải thành sẽ củng cố, gắn kết tình cảm giữa các thành viên trong mối quan hệ HN&GD từ đó giảm thiểu nhưng hệ lụy từ sự tan vỡ của hôn nhân làm ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

Vì vậy, việc nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về hòa giải vụ án HN&GD, nghiên cứu thực trạng những quy định của pháp luật hiện hành về hòa giải vụ án HN&GD có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm nâng cao chất lượng hòa giải.

Tuy nhiên qua thực tiễn giải quyết án hôn nhân gia đình cho thấy những quy định của pháp luật TTDS về hòa giải còn nhiều bất cập và không phù hợp khi áp dụng giải quyết loại án này. Các quy định còn quá chung chung, thiếu tính thống nhất, toàn diện, chưa được xây dựng ở một trình độ lập pháp cao, do đó dẫn đến việc nhận thức và áp dụng pháp luật không thống nhất, hạn chế chất lượng và hiệu quả của hoạt động hòa giải tại Tòa án.

Việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về hòa giải vụ án HN&GD phải đi theo hướng phải xây dựng một hệ thống các quy định toàn diện, thống nhất và đồng bộ, trên cơ sở đó cần có văn bản hướng dẫn riêng cụ thể cho thủ tục giải quyết án HN&GD.

Để nâng cao chất lượng của hoạt động hòa giải vụ án HN&GD, bên cạnh việc hoàn thiện các quy định của pháp luật thì cần tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác xét xử, trong đó chú trọng đến việc bồi dưỡng kỹ năng hòa giải, trau dồi kinh nghiệm trong hoạt động hòa giải. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tổ chức như Tổ hòa giải ở cơ sở, Hội liên hiệp phụ nữ...qua đó nâng cao nhận thức pháp luật của mọi người giúp cho hoạt động hòa giải đạt hiệu quả cao.